

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-24

133
CH
ĐỒNG
KII
TAIT
VII

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 9 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su, nông sản, thức ăn gia súc và các sản phẩm từ gỗ.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó chủ tịch
Ông Lê Cao Thương	Thành viên
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên (được bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 4 năm 2013)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên
Ông Hà Phú Quý	Thành viên (được bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 4 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cao Thương	Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tuỳ thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông LÊ VĂN LỢI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Số : TNRUB/019.2013 (SX)

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và
Các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty") bao gồm : bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 4 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả công tác soát xét.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



**NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0428-2013-038-1**

TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0417-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227,619,923,547	251,745,904,935
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	120,948,465,423	197,671,943,817
Tiền	111		15,948,465,423	27,595,505,461
Các khoản tương đương tiền	112		105,000,000,000	170,076,438,356
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	10,000,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		10,000,000,000	-
Các khoản phải thu	130	4.3	44,841,814,451	10,363,414,167
Phải thu khách hàng	131		46,447,397,501	14,393,049,862
Trả trước cho người bán	132		633,278,593	264,570,593
Các khoản phải thu khác	135		2,998,138,357	2,072,692,711
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5,237,000,000)	(6,366,898,999)
Hàng tồn kho	140	4.4	30,990,454,769	33,963,480,374
Hàng tồn kho	141		30,990,454,769	33,963,480,374
Tài sản ngắn hạn khác	150		20,839,188,904	9,747,066,577
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	10,607,708,225	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.6	9,135,253,306	9,130,658,779
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	1,096,227,373	616,407,798
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123,193,002,838	128,120,681,433
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		94,975,226,003	99,372,738,527
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	54,661,016,941	63,509,402,815
Nguyên giá	222		113,355,727,234	125,988,142,059
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58,694,710,293)	(62,478,739,244)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	40,314,209,062	35,863,335,712
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư dài hạn khác	258	4.10	26,811,175,704	26,811,175,704
Tài sản dài hạn khác	260		1,406,601,131	1,936,767,202
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	906,601,131	1,436,767,202
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.12	500,000,000	500,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		350,812,926,385	379,866,586,368

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		43,961,464,265	50,198,003,194
Nợ ngắn hạn	310		41,634,046,140	48,198,003,194
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.13	247,426,902	247,426,902
Phải trả cho người bán	312	4.14	8,943,017,310	3,077,907,072
Người mua trả tiền trước	313	4.14	632,600,000	12,602,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.6	6,579,733,371	1,056,545,815
Phải trả công nhân viên	315		5,983,175,210	15,762,013,359
Chi phí phải trả	316	4.15	12,210,982,004	10,306,734,004
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.16	2,954,559,362	2,332,868,365
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.17	4,082,551,981	2,811,907,677
Nợ dài hạn	330		2,327,418,125	2,000,000,000
Phải trả dài hạn khác	333	4.18	2,327,418,125	2,000,000,000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		306,851,462,120	329,668,583,174
Vốn chủ sở hữu	410	4.19	306,851,462,120	329,668,583,174
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	417		65,743,925,382	49,492,432,100
Quỹ dự phòng tài chính	418		12,531,062,057	9,531,062,057
Lợi nhuận chưa phân phối	420		36,076,474,681	78,145,089,017
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		350,812,926,385	379,866,586,368

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
Ngoại tệ các loại			
- USD	4.1	2,507.25	2,505.98

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc
Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		73,472,321,492	119,046,638,851
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	73,472,321,492	119,046,638,851
Giá vốn hàng bán	11	5.2	63,679,234,815	72,476,971,611
Lợi nhuận gộp	20		9,793,086,677	46,569,667,240
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	7,425,152,193	9,022,471,887
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.4	79,053,737	94,224,320
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	3,010,876,725	7,008,557,263
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		14,128,308,408	48,489,357,544
Thu nhập khác	31	5.6	33,786,148,927	26,840,759,312
Chi phí khác	32	5.7	18,048,780,457	11,404,981,371
Lợi nhuận khác	40		15,737,368,470	15,435,777,941
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29,865,676,878	63,925,135,485
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	4,582,797,932	9,079,098,868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25,282,878,946	54,846,036,617
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	1,313	2,849

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc
Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2013



M.S.C.N
QUT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	29,865,676,878	63,925,135,485
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,363,402,213	4,223,596,681
Các khoản (hoàn nhập)/ dự phòng	03	(1,129,898,999)	2,207,093,450
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23,091,111,228)	(24,376,239,291)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	9,008,068,864	45,979,586,325
Tăng các khoản phải thu	09	(33,964,320,860)	(12,622,016,348)
Giảm hàng tồn kho	10	2,973,025,605	23,790,688,290
(Giảm)/ tăng các khoản phải trả	11	(11,911,684,689)	3,035,523,184
Tăng chi phí trả trước	12	(10,077,542,154)	(9,110,819,249)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(264,017,503)	(12,388,073,691)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8,177,691,000)	(8,658,626,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(52,414,161,737)	30,026,262,511
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(4,608,643,350)	(5,419,949,434)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	21,293,048,000	23,344,008,940
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10,000,000,000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,425,152,193	9,022,471,887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14,109,556,843	26,946,531,393
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38,418,873,500)	(38,400,622,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38,418,873,500)	(38,400,622,500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	50	(76,723,478,394)	18,572,171,404
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	60	197,671,943,817	140,095,879,963
	70	120,948,465,423	158,668,051,367

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc
Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2013



0101
C
CỘ
KI

TT
11

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 9 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng;
- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long;
- Xí nghiệp xây dựng và chế biến gỗ Phước Trung;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su, nông sản, thức ăn gia súc và các sản phẩm từ gỗ.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, số lượng công nhân viên của Công ty là 646 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 629 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3376
II NF
G.TY
EMI
BD
TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5 năm

7-00
ÁNH
TNF
DÁN
O
HÌNH
ĐỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

3.6 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính là từ 5 đến 20 năm.

3.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí vật tư, công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong khoảng thời gian từ 1 đến 2 năm.

3.8 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.11 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty cho đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2013 của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

3.13 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với Nông trường Hòa Bình 2, Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non, Nông trường Phong Phú và Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú thực hiện tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm (năm 2006, 2007 và năm 2008) và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2016).

3.15 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Bà Châu Thị Hồng Điệp	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.462.257.042	1.292.452.459
Tiền gửi ngân hàng - VND	14.437.308.925	26.254.180.105
Tiền gửi ngân hàng - USD	48.899.456	48.872.897
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	<u>105.000.000.000</u>	<u>170.076.438.356</u>
	<u>120.948.465.423</u>	<u>197.671.943.817</u>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 2.507,25 USD tương đương với 48.899.456 VND.

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 7,00%/năm.

4.2 Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng - VND lãi suất 8%/năm	<u>10.000.000.000</u>	-

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu thương mại	(a) 46.447.397.501	14.393.049.862
Úng trước cho nhà cung cấp - Bên thứ ba	633.278.593	264.570.593
Phải thu khác	(b) 2.998.138.357	2.072.692.711
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(c) (5.237.000.000)	(6.366.898.999)
	<u>44.841.814.451</u>	<u>10.363.414.167</u>

(a) Phải thu thương mại

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	46.443.395.531	14.373.496.972
Phải thu thương mại - Bên liên quan	4.001.970	19.552.890
	<u>46.447.397.501</u>	<u>14.393.049.862</u>

Trong đó bao gồm 4.219.180.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân ("DNTN") Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và đã được lập dự phòng khó đòi.

(b) Trong đó bao gồm 1.017.820.000 VND là khoản phải thu DNTN Phát Hưng từ năm 2006 và đã được lập dự phòng nợ khó đòi.

ẤP MÃU C. N.O
QUA

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

(c) Tình hình tăng/ (giảm) dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	2012
VND	VND
Số dư đầu năm	6.366.898.999
Trích lập trong kỳ/ năm	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/ năm	(1.129.898.999)
Số dư cuối kỳ/ năm	5.237.000.000
	6.366.898.999

4.4 Hàng tồn kho

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	21.830.392.953	3.027.652.161
Công cụ dụng cụ	1.162.418.096	554.069.888
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.410.526.306	-
Thành phẩm	6.538.966.939	30.379.528.325
Hàng hóa	48.150.475	2.230.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	30.990.454.769	33.963.480.374
Dư phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	30.990.454.769	33.963.480.374

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí phát sinh ngoài vụ	10.607.708.225	-

Trong đó bao gồm chi phí vật tư, tiền thuê đất và chi phí khác phát sinh ngoài vụ cao su (6 tháng đầu năm 2013). Các chi phí này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 6 tháng cuối năm.

4.6 Thuế

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân (nộp thừa)	-	174.035.325
Tiền thuê đất (tạm nộp)	(*) 9.127.757.926	8.948.185.114
Thuế tài nguyên (nộp thừa)	7.495.380	8.438.340
9.135.253.306		9.130.658.779

(*) : Đây là tiền thuê đất tạm nộp từ năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đối với 2.082 ha đất nông nghiệp dựa trên đơn giá cho thuê đất tạm tính theo quy định của Nhà Nước do hiện nay Công ty vẫn chưa có đủ các hợp đồng thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

0133C
CHI
CÔNG
KIẾ
TẠI TP.
1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thuế (tiếp theo)

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.302.826.723	792.528.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.582.797.932	264.017.503
Thuế thu nhập cá nhân	694.108.716	-
	6.579.733.371	1.056.545.815

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng nhân viên	616.227.373	131.407.798
Ký quỹ thuê xe	480.000.000	480.000.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	-	5.000.000
	1.096.227.373	616.407.798

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Công VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2013	37.227.411.484	21.263.733.567	3.873.672.957	1.618.236.700	62.005.087.351	125.988.142.059
Tăng do mua sắm	-	105.180.000	52.590.000	-	-	157.770.000
Thanh lý	-	(25.799.545)	-	(12.764.385.280)	(12.790.184.825)	-
Số dư 30/06/2013	37.227.411.484	21.368.913.567	3.900.463.412	1.618.236.700	49.240.702.071	113.355.727.234

	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Số dư 01/01/2013	24.054.582.313	62.478.739.244
Khấu hao	1.103.915.472	3.379.066.909
Thanh lý	-	(7.163.095.860)
Số dư 30/06/2013	25.158.497.785	58.694.710.293

	Giá trị còn lại VND
Ngày 01/01/2013	63.509.402.815
Ngày 30/06/2013	54.661.016.941

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.333.701.270 VND (31/12/2012 là 18.359.500.815 VND).

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi lần lượt là 309.851.108 VND, 225.095.123 VND và 84.755.985 VND.

Trong kỳ, Công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường cao su Hòa Bình 2 và Nông trường cao su Phong Phú, chi tiết như sau :

Nông trường	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Hòa Bình 2	29.786	5.320.868.228	2.208.265.328	3.112.602.900
- Phong Phú	41.273	7.443.517.052	4.929.030.987	2.514.486.065
	71.059	12.764.385.280	7.137.296.315	5.627.088.965

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2013	Tăng	Kết chuyển TSCĐ	30/06/2013
	VND	VND	VND	VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	26.841.872.622	2.429.870.809	-	29.271.743.431
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	9.021.463.090	1.661.861.027	-	10.683.324.117
Chi phí xây dựng cơ bản khác	-	359.141.514	-	359.141.514
	35.863.335.712	4.450.873.350		40.314.209.062

4.10 Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Baria Serece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của công ty này.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí đo đạc đất nông trường	311.536.589	621.617.181
Chi phí công cụ dụng cụ	595.064.542	815.150.021
	906.601.131	1.436.767.202

4.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tam thời được khấu trừ (dự phòng trợ cấp thôi việc)	500.000.000	500.000.000

4.13 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND

Công nợ thâm canh cà phê	247.426.902	247.426.902
--------------------------	--------------------	--------------------

Đây là khoản công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.14 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả cho người bán – bên thứ ba	8.943.017.310	3.077.907.072
Người mua trả trước – bên thứ ba	632.600.000	12.602.600.000
	9.575.617.310	15.680.507.072

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.15 Chi phí phải trả

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí ăn giữa ca	237.930.000	236.742.000
Chi phí thuê đất (*)	11.673.052.004	10.009.992.004
Chi phí khác	300.000.000	60.000.000
	12.210.982.004	10.306.734.004

(*) : Đây là khoản tiền thuê đất ước tính phải trả cho Nhà nước đối với đất nông nghiệp thuê với diện tích ước tính khoảng 2.082 ha trên cơ sở đơn giá cho thuê đất theo quy định từ khi chuyển sang công ty cổ phần, do hiện nay Công ty vẫn chưa có đủ các hợp đồng thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4.16 Phải trả khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải nộp Quỹ bảo hiểm xã hội	708.895.355	-
Cỗ tức phải trả	1.184.044.768	1.102.918.268
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo hành	396.213.959	374.130.959
Phải trả khác	665.405.280	855.819.138
	2.954.559.362	2.332.868.365

4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	2.811.907.677	1.798.619.280
Tăng trong kỳ/ năm		
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	9.000.000.000	9.195.386.546
Tăng khác	-	950.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/ năm	(7.713.691.000)	(9.100.682.689)
Khấu hao của tài sản phúc lợi trong kỳ/ năm	(15.664.696)	(31.415.460)
Số dư cuối kỳ/ năm	4.082.551.981	2.811.907.677

4.18 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.327.418.125	2.000.000.000

Tình hình tăng giảm dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau :

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	2.000.000.000	608.345.407
Trích lập dự phòng trong kỳ/ năm	327.418.125	2.162.468.108
Thu từ Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	-	199.385.000
Sử dụng trong kỳ/ năm	-	(970.198.515)
Số dư cuối kỳ/ năm	2.327.418.125	2.000.000.000

HỘ KHẨU

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

4.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Công VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2012	192.500.000.000	34.062.793.529	6.465.933.208	75.462.496.901	308.491.223.638
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.322.746.082	70.322.746.082
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	16.379.638.571	3.065.128.849	(19.444.767.420)	
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	(950.000.000)	-	(9.195.386.546)	(10.145.386.546)
Chia cổ tức	-	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư 31/12/2012	192.500.000.000	49.492.432.100	9.531.062.057	78.145.089.017	329.668.583.174
Kỳ này					
Số dư 01/01/2013	192.500.000.000	49.492.432.100	9.531.062.057	78.145.089.017	329.668.583.174
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	25.282.878.946	25.282.878.946
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	16.251.493.282	3.000.000.000	(19.251.493.282)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Số dư 30/06/2013	192.500.000.000	65.743.925.382	12.531.062.057	36.076.474.681	306.851.462.120

Trong kỳ, các quỹ Đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 24 tháng 4 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ/ năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ/ năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức	38.500.000.000	38.500.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 24 tháng 4 năm 2013, cổ tức năm 2012 được chia theo tỷ lệ 20%.

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP
- Cổ phiếu ưu đãi : không có		

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mủ cao su	41.690.390.000	97.754.700.000
Doanh thu bán nhân điêu, điêu thô	11.987.938.337	780.243.840
Doanh thu bán thức ăn gia súc	9.997.454.915	10.176.947.528
Doanh thu sản xuất và gia công đồ gỗ	6.220.644.440	3.491.378.000
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điêu)	3.575.893.800	6.843.369.483
	73.472.321.492	119.046.638.851
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	73.472.321.492	119.046.638.851

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

5.2 Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn bán mủ cao su	33.486.571.778	52.682.434.975
Giá vốn bán nhân điêu, điêu thô	11.580.814.843	755.881.898
Giá vốn thức ăn gia súc	9.753.393.752	10.229.841.243
Giá vốn sản xuất và gia công đồ gỗ	5.626.353.325	3.223.203.907
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điêu)	3.232.101.117	5.585.609.588
	63.679.234.815	72.476.971.611

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	22.765.429.242	22.633.313.937
Chi phí nhân công	9.885.525.860	15.507.575.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.192.869.809	3.991.315.642
Chi phí dụng cụ sản xuất	322.193.146	216.778.347
Chi phí gia công	2.173.352.443	2.071.724.826
Chi phí khác	2.909.829.235	1.871.165.470
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	(1.410.526.306)	(609.459.952)
Chênh lệch thành phẩm đầu kỳ và cuối kỳ	23.840.561.386	26.794.558.051
	63.679.234.815	72.476.971.611

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.223.230.493	9.022.471.887
Cổ tức được chia	1.201.921.700	-
	7.425.152.193	9.022.471.887

5.4 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí bốc xếp	79.053.737	75.878.865
Chi phí vận chuyển	-	7.145.455
Chi phí khuyến mãi	-	11.200.000
	79.053.737	94.224.320

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.324.680.233	3.177.141.453
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	51.755.455	512.909.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.037.772	123.946.947
Thuế, phí và lệ phí	21.638.154	11.523.240
Chi trợ cấp thôi việc	381.546.225	-
(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.129.898.999)	2.217.898.450
Chi phí quảng cáo	15.090.909	39.636.364
Chi phí tiếp khách	124.076.894	94.438.911
Chi phí điện thoại	41.347.096	30.745.918
Chi phí thuê xe	368.291.141	563.134.275
Chi phí khác	679.311.845	237.182.673
	3.010.876.725	7.008.557.263

5.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu thanh lý cây cao su	33.486.328.000	26.189.187.940
Thu thanh lý tài sản cố định	1.750.000	-
Xử lý nợ phải trả	-	5.130.125
Thu khác	298.070.927	646.441.247
	33.786.148.927	26.840.759.312

5.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	5.627.088.965	7.990.241.536
Chi phí thanh lý tài sản	12.193.280.000	2.845.179.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.494.632	108.334.092
Chi phí khác	190.916.860	461.226.743
	18.048.780.457	11.404.981.371

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	29.865.676.878	63.925.135.485
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
Chi phí không được khấu trừ	51.294.632	193.334.092
Thu nhập không chịu thuế (cỗ tức được nhận)	(1.201.921.700)	-
Lợi nhuận tính thuế	28.715.049.810	64.118.469.577
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (25%*50%)	2.595.964.522	6.950.518.526
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (25%)	1.986.833.410	2.128.580.342
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.582.797.932	9.079.098.868

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	25.282.878.946	54.846.036.617
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.250.000 CP	19.250.000 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.313 VND/CP	2.849 VND/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su, nông sản, thức ăn gia súc, gỗ

Kết quả kinh doanh cho các kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su 2013	Nông sản 2013	Thức ăn gia súc 2013	Gỗ 2013	Cộng 2013		Công 2012
	2012	2012	2012	2012	2012		2012
Doanh thu bán cho bên ngoài	42.645	99.109	14.609	6.269	9.997	10.177	6.221
Giá vốn	(33.487)	(52.874)	(14.813)	(6.149)	(9.753)	(10.230)	(5.626)
Chi phí bán hàng	(22)	(34)	(13)	(8)	(43)	(52)	-
Kết quả bộ phận	9.136	46.201	(217)	112	201	(105)	595
Chi phí không phân bổ							(3.011)
Doanh thu tài chính							7.425
Lợi nhuận khác	15.737	15.436					15.737
Thuế TNDN							(4.583)
Lợi nhuận sau thuế							25.283
Chi phí mua sắm tài sản	4.609	5.420					4.609
Chi phí khấu hao	2.705	3.342	222	424	436	453	3.363

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su 30/06/2013	Nông sản 31/12/2012	Thức ăn gia súc 30/06/2013	Gỗ 31/12/2012	Công 30/06/2013		Công 31/12/2012
	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012		31/12/2012
Tài sản bộ phận	303.890	360.454	30.756	4.704	10.919	10.044	5.247
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	303.890	360.454	30.756	4.704	10.919	10.044	5.247
Nợ phải trả bộ phận	35.545	46.833	5.513	126	2.811	2.878	92
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	35.545	46.833	5.513	126	2.811	2.878	92

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.948	197.672	120.948	197.672
Đầu tư ngắn hạn	10.000	-	10.000	-
Phải thu khách hàng	42.228	9.124	42.228	9.124
Phải thu khác	1.990	955	1.990	955
	175.166	207.751	175.166	207.751
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	8.943	3.078	8.943	3.078
Các khoản phải trả khác	13.981	11.537	13.981	11.537
	22.924	14.615	22.924	14.615

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Nghệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn		
Bán cây cao su thanh lý	6.800.760.000	13.803.837.000
Chi phí cưa, cắt cây cao su thanh lý	12.193.280.000	2.845.179.000
Châu Thị Hồng Địệp		
Gia công mủ	6.459.123	4.246.734
Công ty TNHH Lê Danh		
Mua nhiên liệu	566.681.818	1.044.472.272

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau :

Nội dung nghiệp vụ	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Châu Thị Hồng Địệp		
Phải thu thương mại	4.001.970	19.552.890

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau :

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	2.989.069.185	831.125.016

8.2 Số liệu so sánh

Một vài số liệu năm trước được trình bày lại trong báo cáo tài chính của kỳ hiện hành cho mục đích so sánh, chi tiết như sau :

Khoản mục	Số liệu trên báo cáo năm trước VND	Số liệu trình bày lại trên báo cáo kỳ này VND
Bảng cân đối kế toán		
Trả trước cho người bán	1.382.390.593	264.570.593
Phải thu khác	954.872.711	2.072.692.711
Phải trả dài hạn khác	-	2.000.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	2.000.000.000	



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
 Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
 Tổng Giám đốc
 Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2013